TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2019
V/v không công nhận quan hệ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Đức Hữu
Ông Nguyễn Tuấn Chiến
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST- HNGĐ ngày 20/12/2018 về việc yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1989
Cư trú tại: Thôn 6, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn*: Anh Vũ Ngọc B, sinh năm 1985
Cư trú tại: Thôn 6, xã Bằng Doãn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
Chị Y có mặt, anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị và anh Vũ Ngọc B cưới nhau từ năm 2007 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị ở chung cùng gia đình anh B một thời gian thì ra ở riêng. Hai bên sống thuận hòa đến năm 2012 thì nảy sinh nhiều bất đồng do anh B rượu chè, chửi bới, ghen tuông, đánh đập chị. Gia đình hai bên và chính quyền đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ tháng 7/2018, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác không thể tiếp tục

chung sống được nữa. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2019, bị đơn là anh Vũ Ngọc B xác nhận anh và chị Y có tổ chức cưới hỏi, chung sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Cuộc sống chung hai bên có xảy ra xích mích, gần đây có xảy ra nhiều xô xát, đánh chửi nhau do chị Y không chăm lo cho gia đình. Nay chị Y yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng, anh nhất trí.

- Về con chung: Chị Y và anh B xác nhận có 02 con chung là Vũ Thị Lệ Q, sinh ngày 16/3/2008 và Vũ Tiến D, sinh ngày 29/10/2010. Hiện cháu Q đang ở cùng chị Y, cháu D ở cùng anh B. Sau khi giải quyết, chị Y và anh B nhất trí, chị Y tiếp tục nuôi cháu Q, anh B tiếp tục nuôi cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Y và anh B đều không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Vũ Ngọc B.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Lệ Q, sinh ngày 16/3/2008 cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 29/10/2010 cho anh Vũ Ngọc B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Y và anh B đều không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y cư trú tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân và giải quyết nuôi con chung với bị đơn là anh Vũ Ngọc B cư trú tại cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Vũ Ngọc B tổ chức cưới và về chung sống với nhau từ năm 2007, tuy chị Y và anh B có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của

Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy giữa chị Y và anh B không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Việc chị Y yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh B phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về con chung: Xét thấy thỏa thuận giữa chị Y và anh B là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên cần chấp nhận giao cháu Q cho chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên kia.

[2.3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Y và anh B không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Vũ Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Lệ Q, sinh ngày 16/3/2008 cho chị Nguyễn Thị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Tiến D, sinh ngày 29/10/2010 cho anh Vũ Ngọc B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Y và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0002995 ngày 20/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Y 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Y có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cụcThi hành án;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Vũ Thường